

KẾ HOẠCH

Khắc phục tồn tại, hạn chế và cải thiện, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Gia Lai năm 2025

Căn cứ Quyết định số 267/QĐ-BNV ngày 28/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc phê duyệt và công bố Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2024; Quyết định số 268/QĐ-BNV ngày 28/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc phê duyệt và công bố Chỉ số Cải cách hành chính (CCHC) năm 2024 của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Năm 2024, Chỉ số CCHC tỉnh Gia Lai đạt 84,01/100 điểm, cao hơn năm 2023 là 1,84 điểm (năm 2023 là 82,17/100 điểm) và xếp vị trí thứ 61/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thấp hơn 03 bậc so với năm 2023 (năm 2023 xếp vị trí thứ 58/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương); Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Gia Lai đạt 83,53%, thấp hơn năm 2023 là 0,31%, xếp vị trí thứ 31/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thấp hơn 12 bậc so với năm 2023 (năm 2023 là 83,84%, xếp vị trí thứ 19/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương). Nhằm tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, đồng thời cải thiện và khắc phục những tồn tại, hạn chế của các tiêu chí, tiêu chí thành phần trong Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, UBND tỉnh Gia Lai ban hành Kế hoạch khắc phục tồn tại, hạn chế và cải thiện, nâng cao Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Gia Lai năm 2025, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tăng cường nhận thức và nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai thực hiện công tác CCHC trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Nâng cao hiệu quả CCHC trên địa bàn tỉnh; khắc phục những tồn tại, hạn chế trong kết quả đánh giá Chỉ số CCHC năm 2024. Phấn đấu Chỉ số CCHC; Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh năm 2025 tăng điểm và tăng tỷ lệ hài lòng so với năm 2024.

2. Yêu cầu

- Việc thực hiện kế hoạch phải đồng bộ, thống nhất, phù hợp với các nội dung, tiêu chí đánh giá của Bộ Nội vụ.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương đặc biệt là các cơ quan theo dõi, phụ trách các lĩnh vực của công tác CCHC đánh giá đúng thực trạng, kết quả thực hiện các nội dung và triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp nhằm nâng cao Chỉ số CCHC.

- Xác định cụ thể các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai, thực hiện, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC.

- Các cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh giao nhiệm vụ chủ trì triển khai các lĩnh vực CCHC của tỉnh phải tăng cường phối hợp, nâng cao trách nhiệm giám sát, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tốt công tác CCHC.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tập trung khắc phục, cải thiện các tiêu chí, tiêu chí thành phần còn tồn tại, hạn chế

1.1. Tiêu chí thành phần “Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiến nghị”

a) Mục tiêu, yêu cầu: Hoàn thành xử lý trong 30 ngày (kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền kiến nghị). Báo cáo kết quả kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL đáp ứng yêu cầu về nội dung và thời gian theo quy định.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Các sở, ban, ngành tỉnh thực hiện tham mưu UBND tỉnh xử lý văn bản trái pháp luật do các bộ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra và kiến nghị xử lý đối với văn bản thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị; đảm bảo 100% văn bản hoàn thành việc xử lý trong 30 ngày (kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền kiến nghị).

- Sở Tư pháp tiếp tục tăng cường theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trong công tác tham mưu xây dựng, rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và UBND tỉnh theo quy định pháp luật; kịp thời báo cáo, đề xuất UBND/Chủ tịch UBND tỉnh xử lý các vấn đề phát sinh (nếu có).

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tư pháp.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Hoàn thành xử lý trong 30 ngày (kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền kiến nghị).

1.2. Tiêu chí thành phần “Công khai thủ tục hành chính (TTHC) và các quy định có liên quan”

a) Mục tiêu, yêu cầu: Công khai TTHC đầy đủ, kịp thời trên Cổng Dịch vụ công (DVC) quốc gia; trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và các Website của cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC; tại Bộ phận Một cửa các cấp.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Văn phòng UBND tỉnh thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Yêu cầu VNPT rà soát, cập nhật lại đầy đủ TTHC của tỉnh trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

+ Theo dõi, đôn đốc việc công khai TTHC; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra Trang thông tin điện tử (TTĐT) của các đơn vị, địa phương sau khi có Quyết định công bố TTHC/danh mục TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh.

+ Đôn đốc các đơn vị, địa phương tăng cường cung cấp thông tin về TTHC lên Trang TTĐT; phối hợp với các đơn vị quản lý, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đảm bảo hoạt động ổn định, bảo mật, an toàn thông tin, kết nối, đồng bộ dữ liệu về với Cổng DVC Quốc gia.

- Các sở, ban, ngành tỉnh kịp thời cập nhật danh mục, thông tin TTHC của tỉnh trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; thường xuyên rà soát, cập nhật kịp thời các TTHC được cung cấp thông tin trên Trang TTĐT khi có thay đổi. Thường xuyên rà soát, kiểm tra nội dung thông tin TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh; trường hợp thiếu các thông tin TTHC như Mã TTHC, tên Quyết định... trên Hệ thống thì thông tin đến Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh để cập nhật đầy đủ thông tin TTHC của tỉnh trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC.

- Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh, Bộ phận Một cửa tổ chức công khai đầy đủ, kịp thời các TTHC, đúng quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan phối hợp/Thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ/Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025/Sau khi có quyết định công bố TTHC.

1.3. Tiêu chí “Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC”

a) Mục tiêu, yêu cầu: Tối thiểu 98% hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai yêu cầu các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai xác định nguyên nhân tại một số Chi nhánh có tỷ lệ hồ sơ chậm trễ cao từ đó có giải pháp khắc phục cụ thể nhằm giảm tỷ lệ hồ sơ trễ hẹn trong giải quyết TTHC thuộc lĩnh vực đất đai.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương:

+ Tổ chức thực hiện tốt việc giải quyết hồ sơ TTHC cho người dân, tổ chức, hướng đến giảm tỷ lệ hồ sơ trễ hạn, giảm thời gian đi lại và nâng cao sự hài lòng của người dân, tổ chức; nếu để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC phải thực hiện đầy đủ và đúng quy định về việc xin lỗi người dân, tổ chức.

+ Tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những trường hợp cán bộ, công chức, viên chức có hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, yêu cầu người dân, tổ chức nộp thêm các giấy tờ ngoài quy định khi giải quyết TTHC; kịp thời giải quyết các phản ánh, kiến nghị về các quy định TTHC, tránh gây bức xúc, tạo dư luận không tốt trong Nhân dân.

+ Đưa kết quả giải quyết hồ sơ TTHC là một phần của việc bình xét, xếp loại cán bộ, công chức cuối năm và thi đua khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

1.4. Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2021”

a) Mục tiêu, yêu cầu: Tối thiểu 10% so với năm 2021 hoặc 20% so với năm 2015.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL) và các văn bản có liên quan.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

1.5. Tiêu chí thành phần “Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức”

a) Mục tiêu, yêu cầu: Không có lãnh đạo bị kỷ luật.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Sở Nội vụ tăng cường đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương của các cơ quan hành chính nhà nước theo Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

- Thanh tra tỉnh tăng cường triển khai công tác thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành tại các cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp và đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương:

+ Tiếp tục quán triệt các quy định về kỷ luật, kỷ cương hành chính, trách nhiệm nêu gương trong toàn cơ quan, đơn vị, địa phương.

+ Tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn chỉnh nội quy, quy chế, quy trình làm việc, quy trình giải quyết công việc của cơ quan, đơn vị, địa phương như: quy chế làm việc, quy chế phối hợp giữa cấp ủy và lãnh đạo cơ quan, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế thực hiện dân chủ trong cơ quan, đơn vị... bảo đảm thống nhất, đồng bộ với các văn bản của cấp trên và phù hợp với đặc điểm tình hình của cơ quan, đơn vị, địa phương.

+ Tăng cường trách nhiệm, gương mẫu đi đầu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính. Đảm bảo công khai dân chủ trong công tác tổ chức cán bộ, công khai tài chính...

+ Xây dựng kế hoạch và thường xuyên kiểm tra công vụ trong việc thi hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và văn hóa công sở tại cơ quan và các đơn vị trực thuộc. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở nhằm tạo điều kiện để công chức, người lao động và nhân dân tham gia kiểm tra, giám sát các hoạt động của công chức, người lao động trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ và trong mọi mặt của đời sống xã hội.

+ Chú trọng đến công tác phòng ngừa, tạo môi trường làm việc dân chủ, công khai, minh bạch, xây dựng tập thể đơn vị đoàn kết, không ngừng nâng cao ý thức chấp hành kỷ cương, kỷ luật của công chức, viên chức, người lao động. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm nếu để xảy ra vi phạm pháp luật, vi phạm kỷ luật, kỷ cương tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

1.6. Tiêu chí thành phần “Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước (NSNN)”

a) Mục tiêu, yêu cầu: Thực hiện giải ngân 100% kế hoạch đầu tư vốn NSNN.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả phân bổ và giải ngân vốn đầu tư công năm 2025; kiên quyết không để tình trạng vốn chờ dự án, có vốn mà không giải ngân được.

- Các địa phương khẩn trương thành lập Tổ công tác kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công và thu ngân sách Nhà nước năm 2025 do các đồng chí Chủ tịch, Phó Chủ tịch phụ trách.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương; các chủ đầu tư phải lập kế hoạch giải ngân chi tiết từng dự án cụ thể đến từng tháng và phân công cụ thể lãnh đạo theo dõi từng dự án. Phải cam kết giải ngân trên 95% kế hoạch vốn được giao chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về số liệu cam kết.

- Đối với các dự án đang thi công: Các chủ đầu tư tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hiện trường, đôn đốc các nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công. Yêu cầu nhà thầu thi công phải có tiến độ tổng thể, chi tiết, ký cam kết và chịu trách nhiệm về tiến độ hoàn thành, giải ngân dự án.

- Đối với các dự án đang ở bước chuẩn bị đầu tư: Chủ đầu tư khẩn trương đôn đốc các nhà thầu tư vấn đẩy nhanh tiến độ lập hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi; hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở; hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu... sớm đưa dự án vào triển khai thi công, giải ngân kế hoạch vốn đã bố trí cho các dự án.

- Sở Xây dựng, Sở Tài chính, các đơn vị chủ trì thẩm định rút ngắn thời gian thẩm định dự án, kế hoạch lựa chọn nhà thầu đảm bảo đúng quy trình, quy định của pháp luật; hướng dẫn ngay các chủ đầu tư, đơn vị có hồ sơ chưa đạt chất lượng đảm bảo hoàn thành ngay trong thời gian được thẩm định theo quy định; hạn chế việc ban hành các văn bản chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ, chỉ ban hành văn bản đề nghị hoàn chỉnh hồ sơ đối với các đơn vị không phối hợp, chất lượng kém.

- Cơ quan Kho bạc Nhà nước kịp thời thực hiện thanh toán khối lượng hoàn thành, đẩy mạnh thanh toán qua dịch vụ công trực tuyến nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại của các chủ đầu tư, công khai minh bạch quá trình xử lý hồ sơ tại cơ quan kiểm soát thanh toán.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tài chính.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

1.7. Tiêu chí thành phần “Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN”

a) Mục tiêu, yêu cầu: Thực hiện đúng quy định, không để xảy ra sai phạm.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Đối với Sở Tài chính: Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng, tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước.

- Đối với Thanh tra tỉnh: Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra tài chính để phát hiện, chấn chỉnh, ngăn ngừa các vi phạm trong quản lý, sử dụng ngân sách.

- Đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương:

+ Việc lập dự toán phải trên cơ sở chính sách, chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước, dự toán phải bảo đảm chi tiết theo từng nội dung chi, thuyết minh rõ cơ sở căn cứ tính toán từng nội dung chi theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định.

+ Quá trình thực hiện chi các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách phải thực hiện chi theo đúng dự toán được giao, chế độ tiêu chuẩn, định mức quy định và quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị, bảo đảm sử dụng kinh phí hiệu quả, tiết kiệm; kinh phí đặc thù cuối năm chi không hết phải hoàn trả lại ngân sách hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển sang năm sau chi tiếp theo quy định của chế độ tài chính hiện hành.

+ Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính phải tổ chức rà soát lại quy chế chi tiêu nội bộ theo đúng quy định để thực hiện chi tiêu, bảo đảm quy chế phải quy định rõ các nội dung chi theo chế độ, mức chi của từng nội dung chi.

+ Tiếp tục thực hiện tốt Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ về quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tài chính.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

1.8. Tiêu chí thành phần “Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách”

a) Mục tiêu, yêu cầu: Thực hiện 100% các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai đầy đủ theo yêu cầu của Sở Tài chính tại Công văn số 226/STC-TTr ngày 26/01/2025 về

việc thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại Báo cáo kiểm tra thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán năm 2023 tại tỉnh Gia Lai và Công văn số 615/STC-TTr ngày 28/02/2025 về việc thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2022 và các năm trước.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tài chính.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

1.9. Tiêu chí thành phần “Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên”

a) Mục tiêu, yêu cầu: Có thêm ít nhất 01 đơn vị tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100%; 01 đơn vị tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70%; 01 đơn vị tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên so với năm 2024.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 299-KH/TU ngày 17/12/2024 của Tỉnh uỷ về việc thực hiện Kết luận số 62-KL/TU ngày 02/10/2023 của Bộ Chính trị về việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2025.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tài chính.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

1.10. Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp công lập”

a) Mục tiêu, yêu cầu: Tổng chi trực tiếp NSNN cho đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh giảm so với năm 2024.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục thực hiện việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW; Nghị quyết số 19-NQ/TW; triển khai giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tài chính.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

1.11. Tiêu chí thành phần “Triển khai, duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử theo quy định”

a) Mục tiêu, yêu cầu: Nâng cấp Kiến trúc Chính quyền số tỉnh Gia Lai phiên bản 3.0 và tổ chức triển khai, duy trì và cập nhật Kiến trúc theo quy định của Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Sở Khoa học và Công nghệ khẩn trương triển khai nhiệm vụ đã được UBND tỉnh giao, trong đó có nhiệm vụ nâng cấp kiến trúc Chính quyền số tỉnh Gia Lai phiên bản 3.0 theo đề án Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025 và Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai năm 2025. Đồng thời, thực hiện rà soát đề nâng cấp khung kiến trúc Chính phủ số Việt Nam, phiên bản 4.0 theo Quyết định số 292/QĐ-BKHCN ngày 25/3/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

1.12. Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức”

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các đơn vị, địa phương rà soát, đẩy mạnh sử dụng các dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP).

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

1.13. Tiêu chí thành phần “Triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC”

a) Mục tiêu, yêu cầu: Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt tỷ lệ từ 80% trở lên; Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt tỷ lệ từ 50% trở lên.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy mạnh việc thực hiện số hóa 100% hồ sơ TTHC theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ và

theo hướng dẫn tại Công văn số 1012/STTTT-CNTT ngày 01/7/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông và theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Kế hoạch số 395/KH-UBND ngày 21/02/2025 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai và các văn bản sửa đổi, thay thế. Thực hiện nghiêm túc việc luân chuyển hồ sơ giải quyết TTHC trong nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước bằng phương thức điện tử.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Văn phòng UBND tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh; các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

1.14. Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình”

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% hồ sơ được giải quyết trực tuyến của DVC trực tuyến toàn trình (không sử dụng bản giấy).

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục triển khai các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh như: Kế hoạch số 257/KH-UBND ngày 05/02/2025 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 17/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao chất lượng về cung cấp và sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 1166/KH-UBND ngày 19/5/2023 về việc hành động nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Công văn số 291/UBND-KGVX ngày 10/02/2025 về việc thực hiện khung triển khai dịch vụ công trực tuyến; Công văn số 2346/UBND-KGVX ngày 31/8/2023 về việc nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh; Công văn số 2090/UBND-KGVX ngày 09/9/2024 về việc triển khai thực hiện Thông báo số 344/TB-VPCP ngày 24/7/2024 và theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Kế hoạch số 395/KH-UBND ngày 21/02/2025 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai và các văn bản sửa đổi, thay thế.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

1.15. Tiêu chí thành phần “Thực hiện thanh toán trực tuyến”

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến; 100% TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến và 100% hồ sơ đã giải quyết của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Như điểm b, khoản 1.14, mục 1 của kế hoạch này.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

1.16. Tiêu chí “Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh”

a) Mục tiêu, yêu cầu: Tổng số vốn thu hút đầu tư của tỉnh trong năm 2025 tăng so với năm 2024.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Trên cơ sở quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh,..., các cơ quan, đơn vị, địa phương tăng cường công tác rà soát, hoàn thiện các quy hoạch để thu hút đầu tư.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương tăng cường trách nhiệm thẩm định đảm bảo nội dung và thời gian theo quy định.

- Các nhà đầu tư nghiên cứu các quy hoạch, quy định pháp luật để nâng cao chất lượng lập hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư dự án.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tài chính.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

1.17. Tiêu chí “Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh”

a) Mục tiêu, yêu cầu: Thực hiện thu NSNN vượt chỉ tiêu từ 4% trở lên theo chỉ tiêu Chính phủ giao; Giá trị thu ngân sách của tỉnh thuộc nhóm 10 địa phương cao nhất.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt Luật thu ngân sách nhà nước, Luật Quản lý thuế, các Luật thuế sửa đổi, bổ sung và nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước theo nghị quyết của Quốc hội. Bám sát sự chỉ đạo, điều hành của Bộ Tài chính, Cục Thuế; Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh để chủ động triển khai chương trình hành động thực hiện Kế hoạch dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2025. Triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án, các giải pháp thu ngân sách nhà nước. Chủ động xây dựng hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền của Trung ương và địa phương sửa đổi các quy định, cơ chế còn chồng chéo, gây khó khăn để thực hiện

nuôi dưỡng nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, tập trung chống thất thu, nợ đọng thuế.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương tham mưu UBND tỉnh tích hợp các quy hoạch vùng, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy hoạch kế hoạch sử dụng đất quy hoạch tổng thể tỉnh Gia Lai sau khi được Chính phủ phê duyệt để hoàn thiện các cơ sở pháp lý để triển khai các dự án thu hút kêu gọi đầu tư, cơ cấu lại cây trồng, vật nuôi để tạo đà phát triển kinh tế. Triển khai các dự án đầu tư công, triển khai đấu giá tài sản trên đất gắn liền với đất, triển khai đẩy nhanh thi công các công trình sử dụng vốn đầu tư công sau khi Quốc hội thông qua Luật Đất đai (sửa đổi) tháo gỡ khó khăn, xung đột giữa Luật Đất đai với Luật Đấu thầu, Luật Tài sản công với Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư với Luật Khoáng sản, làm cơ sở pháp lý để tham mưu UBND tỉnh xây dựng lộ trình triển khai các dự án thu hút đầu tư, đặc biệt là các dự án có sử dụng đất đối với các dự án dự kiến hoàn thành công tác đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư để thu tiền sử dụng đất năm 2024 và năm 2025.

- Chủ động triển khai xác định giá đất cụ thể để bồi thường, giải phóng mặt bằng nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án.

- Phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các địa phương với cơ quan Thuế trong công tác nắm bắt các nguồn thu, đặc biệt các nguồn thu phát sinh, các khoản thu đặc thù. Gắn khai thác có hiệu quả nguồn thu với nuôi dưỡng nguồn thu. Đồng thời kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân kinh doanh trên địa bàn tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân sớm phục hồi đầu tư phát triển tạo nguồn thu bền vững.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tài chính.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

1.18. Tiêu chí “Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao”

a) Mục tiêu, yêu cầu: Thực hiện vượt 100% chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai có hiệu quả các chỉ đạo của UBND tỉnh tại Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 20/01/2025 về ban hành Kế hoạch hành động triển khai Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai và Công văn số 649/UBND-KTTH ngày 19/3/2025 về tăng cường triển khai các nhiệm vụ năm 2025, phấn đấu tăng trưởng kinh tế đạt 8% trở lên.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tài chính.
- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.
- d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

2. Cải thiện, nâng cao Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (Chỉ số SIPAS)

2.1. Mức độ hài lòng của người dân đối với trách nhiệm giải trình của chính quyền về chính sách

a) Mục tiêu, yêu cầu: Mức độ hài lòng của người dân đối với trách nhiệm giải trình của chính quyền về chính sách tăng ít nhất 02% so với năm 2024 (năm 2024 là 83,43%).

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Thực hiện đúng, đủ quy định về công khai, minh bạch các thông tin chính sách tại trụ sở cơ quan, tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các cấp, Cổng thông tin điện tử; hình thức công khai phù hợp, thuận tiện; cung cấp, giải thích thông tin về các chính sách theo nhiều hình thức, giúp mọi người dân dễ tìm, dễ thấy.

- Tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền các lĩnh vực hành chính công trong nhân dân bằng nhiều hình thức đa dạng, nội dung phong phú giúp nâng cao nhận thức, trách nhiệm và tăng cường sự tham gia đóng góp ý kiến của người dân, tổ chức trong quá trình xây dựng và tổ chức thực thi chính sách.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tư pháp.
- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.
- d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

2.2. Mức độ hài lòng của người dân đối với cơ hội tham gia vào quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách

a) Mục tiêu, yêu cầu: Mức độ hài lòng của người dân đối với cơ hội tham gia vào quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách tăng ít nhất 02% so với năm 2024 (năm 2023 là 83,37%).

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Tạo điều kiện cho người dân được biết, được bàn, được tham gia thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện; được phản ánh, kiến nghị, tham gia ý kiến vào các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các cơ chế, chính sách của Trung ương, của địa phương.

- Chủ động, tích cực hơn trong việc gặp gỡ, tiếp xúc, đối thoại với người dân nhằm nắm bắt được yêu cầu, mong muốn của người dân, tổ chức để có những biện pháp cải thiện nâng cao chất lượng phục vụ, góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân, cải thiện môi trường kinh doanh cho doanh

nghiệp; tăng cường trách nhiệm trong giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; kịp thời phát hiện những hạn chế, yếu kém trong quản lý để khắc phục và nâng cao trách nhiệm trong việc giải trình đối với người dân.

- Các chính sách mới được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương lấy phiếu xin ý kiến/phiếu khảo sát gửi tới người dân, họp/phỏng vấn tại khu dân cư hoặc góp ý trực tiếp với cơ quan có thẩm quyền.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tư pháp.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

2.3. Mức độ hài lòng của người dân đối với chất lượng tổ chức thực hiện chính sách

a) Mục tiêu, yêu cầu: Mức độ hài lòng của người dân đối với chất lượng tổ chức thực hiện chính sách tăng ít nhất 02% so với năm 2024 (năm 2024 là 83,40%).

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Nâng cao chất lượng chính sách về phát triển kinh tế ở địa phương: Tiếp tục triển khai có hiệu quả quy định về thu hút đầu tư, kinh doanh, việc làm tại địa phương.

- Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ y tế công lập:

- + Tăng cường tuyên truyền chính sách về khám chữa bệnh cho người bệnh đảm bảo, phù hợp với trạm y tế như: Về khám, chữa bệnh; bảo hiểm y tế...

- + Từng bước nâng cao chất lượng trạm y tế, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh cho người dân, bảo đảm cho mọi người dân đều được chăm sóc sức khỏe ban đầu với chi phí thấp, hiệu quả cao, góp phần thực hiện công bằng xã hội, tạo niềm tin cho người dân. Ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý thông tin khám chữa bệnh; nâng cao trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ người dân của đội ngũ y, bác sỹ.

- Cải thiện chất lượng giáo dục phổ thông công lập:

- + Cải thiện chất lượng giáo dục; tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trường lớp, trang thiết bị phục vụ công tác dạy và học cho các nhà trường.

- + Tiếp tục đầu tư, xây dựng, thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng các tiêu chí của trường chuẩn quốc gia ở các cấp học; nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên về năng lực chuyên môn, kỹ năng sư phạm và phẩm chất đạo đức. Thiết lập các kênh thông tin để thường xuyên liên hệ trao đổi với phụ huynh về tình hình học tập và rèn luyện của học sinh; tổ chức đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công để phân tích, đánh giá và xây dựng các giải pháp thực hiện nhằm nâng cao chỉ số hài lòng trong lĩnh vực giáo dục.

- Chính sách về trật tự, an toàn xã hội:

+ Đảm bảo an ninh chính trị, quản lý dân cư, giữ gìn trật tự nơi công cộng, quản lý an ninh mạng, phòng chống tội phạm; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động thực hiện các chương trình phối hợp giữa chính quyền cơ sở, các đoàn thể và Nhân dân trong công tác xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh vững mạnh; thực hiện nghiêm quy định về phòng cháy, chữa cháy.

+ Tiếp tục đẩy mạnh phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc; thực hiện tốt các chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm, phòng, chống ma túy; không để xảy ra các hoạt động tội phạm mới, giảm tội phạm do nguyên nhân xã hội.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tư pháp.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

2.4. Mức độ hài lòng của người dân đối với tiếp cận dịch vụ

a) Mục tiêu, yêu cầu: Mức độ hài lòng của người dân đối với tiếp cận dịch vụ tăng ít nhất 02% so với năm 2024 (năm 2024 là 83,62%).

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Văn phòng UBND tỉnh tăng cường kiểm tra, chấn chỉnh việc bố trí gọn gàng, sạch sẽ và đầy đủ trang thiết bị phục vụ người dân, tổ chức tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả (sau đây gọi tắt là Bộ phận Một cửa).

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương:

+ Cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin để người dân, tổ chức biết về cơ quan tiếp nhận, giải quyết TTHC một cách dễ dàng, nhanh chóng tại trụ sở của cơ quan, trên Trang TTĐT. Ngoài ra, mở rộng các hình thức thông tin để người dân, tổ chức biết về cơ quan tiếp nhận, giải quyết TTHC qua Đài Truyền thanh – Truyền hình, qua mạng xã hội.

+ Tiếp tục quan tâm cải thiện nơi làm việc, bổ sung thêm trang thiết bị, phương tiện phục vụ tiếp đón và làm việc tại Bộ phận Một cửa đảm bảo đầy đủ biển hiệu, hướng dẫn rõ ràng, dễ thấy; đủ chỗ ngồi cho người dân, tổ chức đến giao dịch; trang thiết bị phục vụ người dân, tổ chức đầy đủ, dễ sử dụng; khắc phục những điểm bất hợp lý trong không gian đón tiếp, làm việc với người dân, tổ chức, chấm dứt tình trạng người dân, tổ chức phải đứng làm việc với cơ quan nhà nước hoặc vị trí ngồi giao dịch còn bất tiện, kém thoải mái.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan thực hiện: Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh; các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

2.5. Mức độ hài lòng của người dân đối với TTHC

a) Mục tiêu, yêu cầu: Mức độ hài lòng của người dân đối với TTHC tăng ít nhất 02% so với năm 2024 (năm 2024 là 83,27%).

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Văn phòng UBND tỉnh thường xuyên kiểm tra bằng nhiều hình thức phù hợp.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương:

+ Phải nghiêm yết công khai, minh bạch TTHC tại vị trí thuận tiện, khoa học để người dân, tổ chức dễ tiếp cận, tìm hiểu; cập nhật đầy đủ, kịp thời những thay đổi của TTHC khi có quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh.

+ Tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền các hình thức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC.

+ Nâng cao chất lượng hoạt động của các Công/Trang TTĐT, vận hành hiệu quả Trang TTĐT của cơ quan, đơn vị, địa phương. Đẩy mạnh cung ứng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) và có giải pháp để hỗ trợ, giúp người dân, tổ chức sử dụng DVCTT.

+ Nghiêm túc rà soát, kiến nghị đơn giản hóa những TTHC rườm rà, phức tạp; hoặc đề xuất bổ sung loại giấy tờ cần thiết vào trong quy định, tránh tình trạng công chức giải quyết tự ý đòi bổ sung thêm các giấy tờ khác ngoài quy định; tăng cường các biện pháp hướng dẫn, hỗ trợ người dân, tổ chức trong việc lập hồ sơ, TTHC (như xây dựng các bộ biểu mẫu tham khảo, thành lập các tổ tư vấn thực hiện thủ tục ngay tại Bộ phận Một cửa, tư vấn qua điện thoại, website, ứng dụng di động,...).

+ Thực hiện đảm bảo đúng quy trình quy định trong giải quyết hồ sơ TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông nhất là về thành phần hồ sơ, mức phí/lệ phí và thời hạn giải quyết.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan thực hiện: Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh; các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

2.6. Mức độ hài lòng của người dân đối với công chức tại Bộ phận Một cửa

a) Mục tiêu, yêu cầu: Mức độ hài lòng của người dân đối với công chức tại Bộ phận Một cửa tăng ít nhất 02% so với năm 2024 (năm 2024 là 83,88%).

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Văn phòng UBND tỉnh thường xuyên kiểm tra, đánh giá hoạt động của Bộ phận Một cửa, việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức tại Bộ phận Một cửa; khi có phản ánh của người dân về thái độ, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức tại Bộ phận Một cửa thì xác định lỗi và đề nghị thay đổi vị trí công tác (nếu cần).

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương:

+ Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ và kỹ năng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa nhằm nâng cao tinh thần, thái độ, trách nhiệm, năng lực chuyên môn khi tiếp nhận hồ sơ TTHC.

+ Tăng cường chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, thường xuyên kiểm tra và xử lý ngay các trường hợp vi phạm về thái độ giao tiếp ứng xử, nội quy, giờ giấc làm việc. Chấn chỉnh, xử lý nghiêm các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức đòi hỏi giấy tờ sai quy định, tự đặt thêm khâu công việc, những nhiễu, tiêu cực. Chấp hành nghiêm các quy định về hướng dẫn hồ sơ bằng Phiếu hướng dẫn, đề nghị bổ sung hồ sơ không quá 01 lần và bằng văn bản, đối với hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết phải có thông báo từ chối giải quyết hồ sơ, hồ sơ trễ hẹn phải có thông báo hẹn lại thời gian trả kết quả,... Không để người dân, tổ chức phải đi lại nhiều lần.

+ Phân công lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực tiếp theo dõi và chịu trách nhiệm về hoạt động của Bộ phận Một cửa, về thái độ, tinh thần trách nhiệm và năng lực giải quyết công việc của công chức một cửa và công chức chuyên môn có liên quan.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan thực hiện: Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh; các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

2.7. Mức độ hài lòng của người dân đối với kết quả dịch vụ

a) Mục tiêu, yêu cầu: Mức độ hài lòng của người dân đối với kết quả dịch vụ tăng ít nhất 02% so với năm 2024 (năm 2024 là 83,74%).

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Văn phòng UBND tỉnh tăng cường công tác kiểm tra, trọng tâm là thực hiện trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp, đơn vị SNCL trong công tác cải cách TTHC; trong giải quyết TTHC cho người dân, tổ chức phải đảm bảo kết quả giải quyết phù hợp với quy định, đầy đủ thông tin, thông tin chính xác và đảm bảo tính công bằng; kiên quyết xử lý hoặc đề nghị xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương:

+ Thực hiện nghiêm quy trình giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; kiểm soát chặt chẽ quy trình giải quyết. Đẩy mạnh ứng dụng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh để nâng cao tính công khai, minh bạch và kiểm soát việc giải quyết TTHC của cơ quan, đơn vị, địa phương.

+ Thực hiện nghiêm túc việc công khai xin lỗi người dân, tổ chức khi giải quyết TTHC xảy ra sai sót, quá hạn đối với kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị, địa phương.

+ Triển khai đánh giá chất lượng giải quyết TTHC theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết; Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành quy định về tổ chức đánh giá việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan thực hiện: Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh; các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

2.8. Mức độ hài lòng của người dân đối với việc cơ quan tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị

a) Mục tiêu, yêu cầu: Mức độ hài lòng của người dân đối với việc cơ quan tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị tăng ít nhất 02% so với năm 2024 (năm 2024 là 83,10%).

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Văn phòng UBND tỉnh tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị liên quan đến TTHC và công khai kết quả xử lý phản ánh kiến nghị theo quy định.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương:

+ Phân công cán bộ, công chức, viên chức sẵn sàng tiếp nhận, giải đáp, hướng dẫn những vấn đề mà người dân, tổ chức còn vướng mắc; kết quả trả lời, giải đáp những vướng mắc, phản ánh, kiến nghị phải được phản hồi trực tiếp, nhanh chóng cho người dân, tổ chức và công bố công khai qua Cổng/Trang TTĐT, phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại nơi làm việc và các hình thức phù hợp khác.

+ Công khai số điện thoại đường dây nóng của Bộ phận Kiểm soát TTHC - Văn phòng UBND tỉnh, của lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương để tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức về giải quyết TTHC.

+ Kiểm tra và tổ chức thực hiện có hiệu quả Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.
- Cơ quan thực hiện: Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh; các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

3. Tiếp tục duy trì, nâng cao các tiêu chí, tiêu chí thành phần đã thực hiện tốt, đạt hiệu quả

3.1. Tiêu chí “Thực hiện kế hoạch CCHC”

a) Mục tiêu, yêu cầu: Hoàn thành 100% nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Sở Nội vụ thường xuyên theo dõi, đánh giá, quán triệt việc thực hiện các nhiệm vụ CCHC để kịp thời phát hiện và tham mưu chỉ đạo xử lý những hạn chế, vướng mắc trong quá trình triển khai và phối hợp thực hiện giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương bảo đảm hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ CCHC đã đề ra trong Kế hoạch năm.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động, tích cực đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ CCHC; quan tâm bố trí đủ nguồn lực để triển khai các nhiệm vụ CCHC; rà soát lại những nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 3070/KH-UBND ngày 24/12/2024 của UBND tỉnh CCHC năm 2025 của tỉnh Gia Lai, đồng thời nâng cao tinh thần, trách nhiệm, quan tâm chỉ đạo thực hiện để hoàn thành kế hoạch năm 2025.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.
- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh/các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025/Theo kế hoạch được giao.

3.2. Tiêu chí “Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ”

a) Mục tiêu, yêu cầu: Đầy đủ số lượng, nội dung và gửi đúng thời gian theo quy định.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm chế độ báo cáo CCHC định kỳ theo hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ của Sở Nội vụ.

- Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành báo cáo định kỳ về CCHC gửi Bộ Nội vụ theo quy định.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh; các cơ quan, đơn vị, địa phương/Sở Nội vụ.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025/Theo thời gian quy định.

3.3. Tiêu chí “Công tác kiểm tra CCHC”

a) Mục tiêu, yêu cầu: Kiểm tra từ 30% cơ quan, đơn vị, địa phương trở lên và 100% vấn đề phát hiện qua kiểm tra (nếu có) hoàn thành việc xử lý.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch kiểm tra công tác CCHC trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2025 theo quy định.

- Đoàn kiểm tra công tác CCHC của tỉnh nêu cụ thể các vấn đề phát hiện qua kiểm tra và kiến nghị cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra xử lý; giao cụ thể thời gian xử lý đối với từng kiến nghị.

- Các cơ quan, đơn vị địa phương được kiểm tra khắc phục những hạn chế, thiếu sót trong công tác CCHC, đảm bảo tất cả các vấn đề phát hiện qua kiểm tra phải được xử lý; báo cáo cụ thể kết quả xử lý gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh; các cơ quan, đơn vị, địa phương/Sở Nội vụ.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025/Theo Kế hoạch.

3.4. Tiêu chí “Công tác tuyên truyền CCHC”

a) Mục tiêu, yêu cầu: Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua cả 03 hình thức sau: (1) Tổ chức các hội nghị, tập huấn chuyên đề CCHC; (2) Đăng tải thông tin CCHC trên website của tỉnh; (3) Tuyên truyền CCHC trên Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh và đa dạng tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các hình thức khác.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Thực hiện theo Kế hoạch số 3056/KH-UBND ngày 23/12/2024 của UBND tỉnh tuyên truyền công tác CCHC năm 2025 của tỉnh Gia Lai.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025/Theo Kế hoạch.

3.5. Tiêu chí “Đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ CCHC”

a) Mục tiêu, yêu cầu: Có từ 03 sáng kiến hoặc giải pháp mới trở lên được hội đồng thẩm định Trung ương công nhận.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiên cứu, đề xuất sáng kiến hoặc giải pháp, cách làm mới trong CCHC thuộc lĩnh vực cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện công tác CCHC chung của tỉnh. Đảm bảo hàng năm, mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai tối thiểu 01 sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC và báo cáo Sở Nội vụ để tổng hợp, gửi Bộ Nội vụ thẩm định (Các giải pháp, sáng kiến phải bám sát một trong 06 nội dung CCHC được nêu tại Chương trình tổng thể của Chính phủ; Nội dung báo cáo phải đầy đủ thông tin về tên của sáng kiến/giải pháp; làm rõ tính mới, tính hiệu quả và phạm vi áp dụng của sáng kiến, giải pháp đề xuất và hiệu quả thực tế mang lại...).

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

3.6. Tiêu chí “Đối thoại của lãnh đạo tỉnh với người dân, doanh nghiệp”

a) Mục tiêu, yêu cầu: Tổ chức từ 02 cuộc đối thoại/diễn đàn trở lên (phải theo chuyên đề, không tính các cuộc tiếp công dân và tiếp xúc cử tri định kỳ); có ban hành văn bản chỉ đạo giải quyết những kiến nghị, đề xuất của người dân, doanh nghiệp tại các cuộc đối thoại/diễn đàn và 100% đề xuất, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp được xử lý.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan lựa chọn chủ đề, chuẩn bị các nội dung, tham mưu UBND tỉnh tổ chức các cuộc đối thoại/diễn đàn của lãnh đạo tỉnh với người dân, doanh nghiệp. Sau các cuộc đối thoại/diễn đàn, tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo giải quyết những kiến nghị, đề xuất của người dân, doanh nghiệp; chuyển thông tin và cùng các sở, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền chủ động giải quyết dứt điểm các kiến nghị hoặc đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết các kiến nghị, đề xuất. Tổng hợp, báo cáo tình hình, kết quả xử lý các đề xuất, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tài chính.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Văn phòng UBND tỉnh; cơ quan, đơn vị, địa phương/Sở Tài chính.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

3.7. Tiêu chí “Thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao”

a) Mục tiêu, yêu cầu: Hoàn thành đúng tiến độ tất cả các nhiệm vụ được giao.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Văn phòng UBND tỉnh thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động tham mưu UBND tỉnh thực hiện hoàn thành đúng tiến độ 100% các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trong năm.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động, tích cực đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ được giao; quan tâm bố trí đủ nguồn lực để triển khai các nhiệm vụ; thường xuyên rà soát lại những nhiệm vụ được giao, đồng thời nâng cao tinh thần, trách nhiệm, quan tâm chỉ đạo thực hiện để hoàn thành đúng tiến độ tất cả các nhiệm vụ.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025/Theo nhiệm vụ được giao.

3.8. Tiêu chí “Theo dõi tình hình thi hành pháp luật (TDTHTHPL)”

a) Mục tiêu, yêu cầu: Thực hiện đầy đủ 02 hoạt động TDTHTHPL theo đúng quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về TDTHTHPL, Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về TDTHTHPL và các văn bản hướng dẫn thi hành; Ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHTHPL theo thẩm quyền và xây dựng kế hoạch; báo cáo kết quả TDTHTHPL định kỳ hàng năm đáp ứng yêu cầu về nội dung và thời gian theo quy định.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Thực hiện công tác kiểm tra tình hình thi hành pháp luật; thực hiện hoạt động điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật.

- Căn cứ kết quả thu thập thông tin, kết quả kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý kết quả TDTHTHPL theo quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Báo cáo Bộ Tư pháp về công tác TDTHTHPL theo quy định tại khoản 7, Điều 1, Nghị định số 32/2020/NĐ-CP.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tư pháp.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025/Theo Kế hoạch, quy định.

3.9. Tiêu chí “Công bố danh mục VBQPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực định kỳ hàng năm”

a) Mục tiêu, yêu cầu: Ban hành văn bản công bố danh mục VBQPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tư pháp kịp thời, đúng quy định.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Sở Tư pháp tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của UBND tỉnh kịp thời và đúng quy định.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tư pháp.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các cơ quan, đơn vị.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

3.10. Tiêu chí thành phần “Thực hiện kiểm tra văn bản theo thẩm quyền”

a) Mục tiêu, yêu cầu: Thực hiện kiểm tra văn bản theo thẩm quyền đảm bảo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Các sở, ban, ngành tiếp tục nghiên cứu, thực hiện đúng các quy định pháp luật về trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL); rà soát và tham mưu xử lý kết quả rà soát VBQPPL theo quy định tại Luật Ban hành VBQPPL và các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật; phối hợp chặt chẽ với Sở Tư pháp trong việc tham mưu UBND tỉnh thực hiện tự kiểm tra văn bản theo thẩm quyền.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tư pháp.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các cơ quan, đơn vị.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

3.11. Tiêu chí “Cập nhật văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật”

a) Mục tiêu, yêu cầu: Cập nhật đầy đủ, kịp thời văn bản thuộc trách nhiệm trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Việc cập nhật, đăng tải văn bản QPPL trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật được thực hiện thường xuyên, đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, đúng quy trình, thời hạn theo quy định.

- Sở Tư pháp thường xuyên kiểm tra kết quả cập nhật, đăng tải văn bản QPPL nhằm phát hiện và khắc phục những sai sót trong quá trình cập nhật, đăng tải.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tư pháp.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các cơ quan, đơn vị.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

3.12. Tiêu chí “Kiểm soát quy định TTHC”

a) Mục tiêu, yêu cầu: Không có TTHC ban hành trái thẩm quyền; có các kiến nghị cải cách TTHC, kiến nghị cụ thể sửa đổi, bổ sung văn bản QPPL quy định TTHC.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Văn phòng UBND tỉnh thực hiện kiểm soát quy định TTHC trong dự thảo văn bản QPPL do các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh trình, trong đó thực hiện đầy đủ việc đánh giá tác động, thẩm định, công bố theo quy định của pháp luật. Tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch rà soát TTHC trọng tâm, tổ chức thực hiện và tham mưu UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện, đảm bảo tất cả các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC đều được xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025/Theo Kế hoạch.

3.13. Tiêu chí thành phần “Công bố TTHC, danh mục TTHC theo quy định”

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc mới ban hành trong năm được công bố kịp thời và công bố TTHC hoặc nhóm TTHC liên thông theo quy định của bộ, ngành Trung ương.

- Các quyết định công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh phải được ban hành chậm nhất trước 05 ngày làm việc tính đến ngày văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) có quy định về TTHC có hiệu lực thi hành. Trường hợp văn bản QPPL được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành thì quyết định công bố TTHC phải được ban hành chậm nhất là sau 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành văn bản QPPL có quy định về TTHC.

- Công bố TTHC hoặc nhóm TTHC liên thông theo thẩm quyền quy định.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Văn phòng UBND tỉnh thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị chủ động tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh công bố TTHC, danh mục TTHC theo quy định.

- Các sở, ban, ngành tỉnh thường xuyên theo dõi quyết định công bố của bộ, cơ quan ngang bộ; theo trách nhiệm của ngành, lĩnh vực, kịp thời xây dựng dự thảo quyết định công bố danh mục TTHC, trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố danh mục TTHC; trên cơ sở quyết định công bố nhóm TTHC liên thông của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, các sở, ban, ngành tỉnh trong phạm vi, trách nhiệm của mình kịp thời tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh công bố danh mục nhóm TTHC liên thông; trong quá trình rà soát các TTHC, xét cần thiết đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh công bố nhóm TTHC thí điểm liên thông tại các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan thực hiện: Sở, ban, ngành tỉnh.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025/Theo mục tiêu, yêu cầu tại khoản a mục này.

3.14. Tiêu chí thành phần “Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC”

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% hồ sơ TTHC được đồng bộ, công khai trên Cổng DVC quốc gia; 100% hồ sơ TTHC do cơ quan hành chính các cấp tiếp nhận, giải quyết được công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương:

- + Thực hiện nghiêm việc cập nhật đầy đủ các hồ sơ TTHC tiếp nhận vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh theo quy định.

- + Thường xuyên theo dõi kết quả hiển thị đồng bộ hồ sơ, kết quả giải quyết của đơn vị mình để kịp thời phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh xử lý.

- Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, đơn vị xây dựng Hệ thống đề nghị hỗ trợ xử lý các lỗi của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC nhằm khắc phục việc đồng bộ dữ liệu nói riêng và các nhược điểm của Hệ thống nói chung.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh; các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

3.15. Tiêu chí thành phần “Công bố TTHC nội bộ cấp tỉnh”

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% TTHC thuộc phạm vi quản lý được công bố đúng quy định.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục chủ động thực hiện nhiệm vụ theo Quyết định 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn 100/TCTCCTTHC ngày 14/11/2023 của Tổ công tác cải cách TTHC, văn bản số 5990/VPCP-KSTT ngày 22/8/2024 của Văn phòng Chính phủ, Kế hoạch số 3031/KH-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh và các văn bản triển khai của tỉnh.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

3.16. Tiêu chí “Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông”

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được tiếp nhận và trả kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bộ phận Một cửa; Từ 50 TTHC hoặc nhóm TTHC trở lên được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp; Từ 30 TTHC hoặc nhóm TTHC trở lên được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đúng quy định việc tiếp nhận và giải quyết TTHC cho người dân, tổ chức theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC. Thường xuyên rà soát các TTHC có liên quan, TTHC có nhiều cơ quan cùng giải quyết để ban hành quy chế phối hợp trong giải quyết TTHC, đảm bảo việc tiếp nhận, trả kết quả tại một cơ quan đầu mối.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh; các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Thường xuyên trong năm.

3.17. Tiêu chí thành phần “Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC”

a) Mục tiêu, yêu cầu: Thực hiện đầy đủ, đúng quy định.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương tăng cường chỉ đạo, thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC

theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, đảm bảo 98% hồ sơ TTHC trở lên được giải quyết đúng hạn; nếu để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC phải thực hiện đầy đủ và đúng quy định về việc xin lỗi người dân, tổ chức.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Khi để xảy ra trễ hẹn.

3.18. Tiêu chí thành phần “Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của địa phương”

a) Mục tiêu, yêu cầu: 80% - 100% cơ quan, đơn vị, địa phương đạt điểm đánh giá từ tốt trở lên.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đúng quy định Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành quy định về tổ chức đánh giá việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh; nghiên cứu, xác định nguyên nhân, triển khai các biện pháp cải thiện chất lượng, hiệu quả giải quyết TTHC; quan tâm hơn nữa việc đánh giá giải quyết TTHC nói riêng, cải cách TTHC nói chung; tích cực phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh trong đánh giá giải quyết TTHC nhằm bảo đảm việc đánh giá phản ánh thực trạng, đáp ứng mục đích, yêu cầu của việc đánh giá, từ đó góp phần nâng cao sự hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với cơ quan nhà nước.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh; các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Thường xuyên trong năm.

3.19. Tiêu chí “Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh”

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh được trả lời và công khai theo quy định.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện đầy đủ các hình thức, quy trình tiếp nhận phản ánh kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức về TTHC theo quy định tại Chương VI Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia, Chương II Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 13/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh. Xử lý hiệu quả và công khai theo quy định 100% số phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.
- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Sau khi có phản ánh kiến nghị/theo thời gian quy định.

3.20. Tiêu chí “Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị”

a) Mục tiêu, yêu cầu: Thực hiện đúng quy định về sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị; thực hiện đúng cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính theo các tiêu chí.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương:
 - + Thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị theo quy định của cấp thẩm quyền.
 - + Căn cứ Thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ chủ quản, kịp thời tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức thực hiện đúng quy định.
 - + Tham mưu bổ nhiệm lãnh đạo cấp sở đúng quy định về cơ cấu số lượng theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành; các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát, sắp xếp lại cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các phòng thuộc cơ quan mình một cách hợp lý.
 - + Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch sắp xếp, tổ chức lại các tổ chức hành chính và đơn vị SNCL trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2022-2026.
- Sở Nội vụ: Tăng cường phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao. Triển khai có hiệu quả các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XII như Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị SNCL.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.
- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

3.21. Tiêu chí “Thực hiện các quy định về quản lý biên chế”

a) Mục tiêu, yêu cầu: Sử dụng không vượt quá số lượng biên chế hành chính, số lượng người làm việc được giao.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng biên chế hành chính không vượt quá số lượng so với số biên chế hành chính được giao; số người làm việc tại các đơn vị SNCL không vượt quá số lượng so với số người làm việc tại các đơn vị SNCL được cấp có thẩm quyền giao theo quy định.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

3.22. Tiêu chí “Thực hiện phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước”

a) Mục tiêu, yêu cầu: Thực hiện đầy đủ, kịp thời các nhiệm vụ theo đúng quy định tại Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác của Chính phủ, các bộ, ngành về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực; Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp, phân quyền cho cấp dưới và 100% số vấn đề phát hiện qua thanh tra, kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Các cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ về phân cấp quản lý nhà nước theo đúng quy định tại Nghị quyết số 04/NQ-CP; kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ hàng năm đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp dưới theo quy định; tổng hợp, báo cáo tình hình xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra của các cơ quan, đơn vị được kiểm tra.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

3.23. Tiêu chí “Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm”

a) Mục tiêu, yêu cầu: Thường xuyên rà soát, cập nhật và ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản để hoàn thiện các quy định về vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh đối với các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Chính phủ và các bộ, ngành hoặc trong các trường hợp chia, tách, sáp nhập, thành lập mới tổ chức trên địa bàn tỉnh; 100% cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh bố trí công chức theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức tương ứng với bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí; 100% đơn vị SNCL phê duyệt theo thẩm quyền hoặc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt danh mục vị trí việc làm; Hoàn thiện việc xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm theo danh mục đã được phê duyệt; Bố trí viên

chức đúng theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng với từng vị trí.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm, đảm bảo: Các cơ quan, tổ chức hành chính phải bố trí công chức theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức tương ứng với bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí; Các đơn vị SNCL thuộc tỉnh phải thực hiện đúng các quy định sau: Phê duyệt theo thẩm quyền hoặc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt danh mục vị trí việc làm; hoàn thiện việc xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm theo danh mục đã được phê duyệt; bố trí viên chức đúng theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng với từng vị trí.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

3.24. Tiêu chí “Tuyển dụng công chức, viên chức”

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Tạm dừng tuyển dụng công chức, viên chức (trừ giáo viên, y tế) theo chủ trương của Bộ Chính trị và các văn bản hướng dẫn của Trung ương.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

3.25. Tiêu chí thành phần “Thực hiện quy định về bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý”

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% số lãnh đạo được bổ nhiệm đúng quy định.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương cần đầu tư xây dựng đội ngũ làm công tác tổ chức, cán bộ tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ; nâng cao phẩm chất, năng lực và uy tín của cán bộ, công chức làm công tác tổ chức, cán bộ đáp ứng yêu cầu.

- Thường xuyên tự kiểm tra, rà soát, khắc phục những sai sót, hạn chế, khuyết điểm trong công tác cán bộ.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

3.26. Tiêu chí thành phần “Mức độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức”

a) Mục tiêu, yêu cầu: Thực hiện đạt 100% chỉ tiêu, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Sở Nội vụ kiểm tra, đôn đốc các cơ quan liên quan triển khai thực hiện kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, công chức viên chức tỉnh năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 01/11/2024 của UBND tỉnh.

- Sở Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức và đôn đốc thực hiện đối với kinh phí bồi dưỡng cán bộ, công chức viên chức năm 2025 theo đúng quy định.

- Các cơ quan tiếp nhận kinh phí sử dụng đúng mục đích, xây dựng kế hoạch, chiêu sinh, mở lớp (khai giảng lớp cuối cùng chậm nhất trước ngày 30/9/2025) và thanh quyết toán đúng quy định; báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ, Sở Tài chính tổng hợp) trước ngày 15/10/2025. Các cơ quan thực hiện không đảm bảo tiến độ mở lớp hoặc không hoàn thành việc mở lớp theo kế hoạch, phát sinh việc điều chỉnh mà không có lý do chính đáng và báo cáo giải trình cụ thể thì người đứng đầu cơ quan phải chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh. Kết quả thực hiện là căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu; làm căn cứ để đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể lãnh đạo, quản lý và cá nhân, trước hết đối với cán bộ là người đứng đầu.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

3.27. Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ, công chức cấp xã”

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% cán bộ, công chức cấp xã đáp ứng các tiêu chuẩn về tuổi, trình độ lý luận chính trị, trình độ học vấn và chuyên môn nghiệp vụ theo các quy định của Đảng, Chính phủ, Bộ Nội vụ và các tiêu chuẩn do các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội quy định đối với từng chức danh cụ thể.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Rà soát lại tổng thể đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh về số lượng, chất lượng theo từng nhóm chức danh, gắn với vị trí công việc hiện tại; xác định rõ những mặt hạn chế và yếu kém để đào tạo, bồi dưỡng nhằm chuẩn hóa sử dụng lâu dài hoặc bổ sung, thay thế; đào tạo, bồi dưỡng của địa phương cần gắn với nhu cầu sử dụng, quy hoạch đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã; ưu tiên đào tạo các vị trí quan trọng, cần thiết; tiếp tục khuyến khích cán bộ, công chức tự học tập, bồi dưỡng.

- Chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cấp xã cho từng năm và cả nhiệm kỳ. Tổ chức rà soát để có phương án đào tạo, bồi dưỡng đối với những người còn thiếu tiêu chuẩn quy định. Đồng thời, xây dựng phương án bố trí, sắp xếp sang vị trí công tác khác đối với những người được cử đi đào tạo, bồi dưỡng nhưng không hoàn thành đúng thời gian quy định.

- Đối với cán bộ lớn tuổi ở cấp xã hiện nay, nếu không đáp ứng đủ trình độ chuyên môn, không có nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng thì có thể giải quyết theo chế độ thôi việc để kiện toàn và chuẩn hóa đội ngũ cán bộ cho phù hợp với quy định.

- Có cơ chế, chính sách khuyến khích cán bộ tự học tập, rèn luyện để nâng cao kiến thức pháp luật, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ý thức trách nhiệm trong thực thi công vụ.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

3.28. Tiêu chí “Công tác quản lý, sử dụng tài sản công”

a) Mục tiêu, yêu cầu: (1) Ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản về quản lý, sử dụng tài sản công, bảo đảm nội dung công khai theo quy định; (2) 100% cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng tài sản công; rà soát, chuẩn hóa, cập nhật số liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công đầy đủ, kịp thời; Báo cáo về tình hình quản lý, sử dụng tài sản công đảm bảo yêu cầu về nội dung và thời gian; (3) từ 80% trở lên cơ sở nhà, đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành;

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản về quản lý, sử dụng tài sản công, bảo đảm nội dung công khai theo quy định, cụ thể:

+ Ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng ô tô chuyên dùng theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ.

+ Ban hành quy định danh mục, thời gian tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định vô hình theo quy định tại Khoản 2, Điều 13, Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính.

+ Ban hành quy định thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông theo quy định tại Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ.

+ Ban hành Kế hoạch thực hiện tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư theo quy định tại Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát, ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định; rà soát, đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản đối với cơ sở nhà, đất theo quy định.

- Sở Tài chính tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tài chính.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

3.29. Tiêu chí thành phần “Số đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên”

a) Mục tiêu, yêu cầu: Có thêm từ 01 đơn vị SNCL trở lên được giao tự chủ ở mức tự bảo đảm chi thường xuyên (không tính các trường hợp giao lại).

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp thực hiện có hiệu quả chế độ tự chủ tài chính đơn vị SNCL. Triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị SNCL; rà soát, nâng mức độ tự chủ tài chính đối với đơn vị SNCL.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tài chính.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

3.30. Tiêu chí thành phần “Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị SNCL”

a) Mục tiêu, yêu cầu: Thực hiện đúng quy định, không để xảy ra sai phạm.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Sở Tài chính:

- + Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng, tổ chức thực hiện dự toán NSNN.

- + Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra tài chính để phát hiện, chấn chỉnh, ngăn ngừa các vi phạm trong quản lý, sử dụng ngân sách.

- Đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương:

- + Việc lập dự toán phải trên cơ sở chính sách, chế độ, định mức chi NSNN, dự toán phải bảo đảm chi tiết theo từng nội dung chi, thuyết minh rõ cơ sở căn cứ tính toán từng nội dung chi theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định.

+ Quá trình thực hiện chi các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách phải thực hiện chi theo đúng dự toán được giao, chế độ tiêu chuẩn, định mức quy định và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị, bảo đảm sử dụng kinh phí hiệu quả, tiết kiệm; kinh phí kinh phí đặc thù cuối năm chi không hết phải hoàn trả lại ngân sách hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển sang năm sau chi tiếp theo quy định của chế độ tài chính hiện hành.

+ Các cơ quan nhà nước, đơn vị SNCL thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính phải tổ chức rà soát lại quy chế chi tiêu nội bộ theo đúng quy định để thực hiện chi tiêu, bảo đảm quy chế phải quy định rõ các nội dung chi theo chế độ, mức chi của từng nội dung chi.

+ Tiếp tục thực hiện tốt Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị SNCL, Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tài chính.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

3.31. Tiêu chí thành phần “Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số”

a) Mục tiêu, yêu cầu: Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, chỉ tiêu kỹ thuật theo quy định.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục duy trì, vận hành.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương/Sở Khoa học và Công nghệ.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

3.32. Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)”

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP).

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Sở Khoa học và Công nghệ triển khai vận hành hiệu quả Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) để kết nối, chia sẻ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trên địa bàn tỉnh; đồng thời thực hiện kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP).

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương/Sở Khoa học và Công nghệ.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

3.33. Tiêu chí “Phát triển các ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ cơ quan nhà nước”

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% các cơ quan, đơn vị, địa phương có tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng đạt từ 80% trở lên; 100% cơ quan, đơn vị, địa phương đã kết nối gửi, nhận văn bản điện tử; Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh đáp ứng đầy đủ các chức năng, yêu cầu kỹ thuật theo quy định; 100% chế độ báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu của tỉnh được kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng (trên hệ thống Quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh...).

- Sở Khoa học và Công nghệ duy trì việc thực hiện kết nối, liên thông hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành.

- Văn phòng UBND tỉnh tiếp tục duy trì kết nối hệ thống báo cáo của UBND tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ; đồng thời triển khai Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh đến các cơ quan, đơn vị, địa phương. Tiếp tục duy trì, tăng cường sử dụng có hiệu quả các hệ thống dùng chung của tỉnh. Cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định của pháp luật lên Cổng/Trang TTĐT các đơn vị, địa phương.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Khoa học và Công nghệ; Văn phòng UBND tỉnh.
- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

3.34. Tiêu chí thành phần “Cổng thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định”

a) Mục tiêu, yêu cầu: Cổng thông tin điện tử của tỉnh đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục duy trì, vận hành.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các cơ quan, đơn vị có liên quan/Sở Khoa học và Công nghệ.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

3.35. Tiêu chí thành phần “Thiết lập, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC”

a) Mục tiêu, yêu cầu: Tiếp tục vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC đảm bảo đầy đủ tính năng theo quy định.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thường xuyên nghiên cứu, tổng hợp khó khăn, vướng mắc của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình khai thác, sử dụng để kịp thời điều chỉnh, bổ sung, nâng cấp các chức năng của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Gia Lai.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

3.36. Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) toàn trình”

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% DVCTT đủ điều kiện được xây dựng toàn trình.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiến hành rà soát, đánh giá, tái cấu trúc quy trình TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết đáp ứng yêu cầu cung cấp DVCTT toàn trình, DVCTT một phần theo quy định tại Chương III của Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ về quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử, gửi văn bản đề xuất đối với các dịch vụ công đủ điều kiện cung cấp DVCTT toàn trình, một phần.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

3.37. Tiêu chí thành phần “Số lượng doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường”; Tiêu chí thành phần “Số vốn đăng ký của doanh nghiệp”

a) Mục tiêu, yêu cầu: Số lượng doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường; Số vốn đăng ký của doanh nghiệp (bao gồm cả số vốn đăng ký mới và đăng ký bổ sung) tăng so với năm 2024.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng như phát triển doanh nghiệp trên địa bàn phấn đấu đạt Kế hoạch năm 2025 đề ra. Cần tiếp tục tập trung một số giải pháp trọng tâm gồm:

- Các địa phương:

+ Tích cực triển khai hiệu quả Kế hoạch phát triển doanh nghiệp năm 2025 trên địa bàn và giao chỉ tiêu cụ thể phát triển doanh nghiệp cho các cơ quan thuế trực tiếp quản lý địa bàn kinh doanh. Đưa chỉ tiêu phát triển doanh nghiệp vào nội dung định kỳ đánh giá hàng tháng của địa phương.

+ Tăng cường vận động, tuyên truyền và hỗ trợ các hộ kinh doanh có đủ điều kiện để chuyển đổi sang loại hình doanh nghiệp. Nên chú trọng tổ chức tuyên truyền cho tất cả các hộ kinh doanh đang hoạt động trên địa bàn về các chính sách hỗ trợ hộ kinh doanh khi chuyển đổi hoạt động sang loại hình doanh nghiệp. Một số chính sách hỗ trợ gồm:

++ Tư vấn, hướng dẫn miễn phí về hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp;

++ Miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp lần đầu; miễn phí thẩm định, phí, lệ phí cấp phép kinh doanh lần đầu đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện;

++ Miễn lệ phí môn bài trong thời hạn 03 năm đầu hoạt động;

++ Tư vấn, hướng dẫn miễn phí về các TTHC thuế và chế độ kế toán.

++ Chỉ đạo cho cơ quan thuế tại địa phương tăng cường quản lý thuế đối với các hộ kinh doanh dựa vào quy mô (doanh thu, vốn kinh doanh, số lượng lao động, ngành nghề kinh doanh, diện tích kinh doanh, nhu cầu sử dụng hóa đơn thường xuyên...) để vận động những hộ kinh doanh có tiềm lực, điều kiện chuyển đổi sang thành lập doanh nghiệp.

++ Chỉ đạo cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích các cá nhân, hộ gia đình đăng ký thành lập doanh nghiệp ngay khi các cá nhân, hộ gia đình đến làm thủ tục đăng ký hộ kinh doanh.

++ Xây dựng danh mục kêu gọi đầu tư chi tiết trên địa bàn và tích cực kêu gọi, xúc tiến đầu tư trên địa bàn.

++ Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi và kịp thời thực hiện, áp dụng các chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động, để khuyến khích các doanh nghiệp thành lập mới để khởi nghiệp.

++ Tổ chức gặp mặt doanh nghiệp, Hộ kinh doanh, Hợp tác xã trên địa bàn để trao đổi nắm bắt thông tin, kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động và phát triển.

- Sở Tài chính có trách nhiệm:

+ Tiếp tục thực hiện hiệu quả các hoạt động, dịch vụ công về đăng ký kinh doanh và tư vấn, hỗ trợ miễn phí về thủ tục hồ sơ thành lập mới doanh nghiệp;

hướng dẫn và triển khai việc đăng ký doanh nghiệp qua mạng và qua dịch vụ bưu chính.

+ Hằng tháng thông báo cho các địa phương về kết quả phát triển doanh nghiệp để địa phương có giải pháp đôn đốc hoàn thành kế hoạch đề ra.

+ Triển khai cụ thể và hiệu quả các giải pháp để cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2025.

+ Tham mưu UBND tỉnh tổ chức gặp mặt doanh nghiệp trên địa bàn để trao đổi nắm bắt thông tin, kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động và phát triển.

+ Phối hợp với các địa phương hướng dẫn, hỗ trợ Hộ kinh doanh chuyển đổi đăng ký thành lập mới doanh nghiệp.

+ Tổng hợp trình và công bố danh mục kêu gọi đầu tư chi tiết trên địa bàn tỉnh và tích cực kêu gọi và xúc tiến đầu tư trên địa bàn.

- Cơ quan Thuế có trách nhiệm:

+ Chỉ đạo ngành thuế tuyên truyền, vận động và hỗ trợ các hộ kinh doanh có tiềm năng, có điều kiện để chuyển đổi hoạt động sang loại hình doanh nghiệp.

+ Chỉ đạo ngành thuế tăng cường gắn kết với các đơn vị đại lý thuế, tư vấn thuế tuyên truyền những chính sách có lợi khi thành lập doanh nghiệp; hỗ trợ, tư vấn và giúp đỡ doanh nghiệp về chế độ sổ sách kế toán thuận lợi.

+ Triển khai thực hiện tốt, kịp thời các chính sách về: Miễn, giảm thuế môn bài, thuế thu nhập doanh nghiệp, hỗ trợ chế độ kế toán,... đối với doanh nghiệp theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Cơ quan Ngân hàng nhà nước có trách nhiệm: Chỉ đạo các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh thực hiện tất cả các chính sách ưu đãi về tín dụng đối với các doanh nghiệp mới thành lập.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tài chính.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

3.38. Tiêu chí “Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp”

a) Mục tiêu, yêu cầu: Tăng so với năm 2024.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Tăng cường công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư các dự án trọng điểm, có thế mạnh của tỉnh.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; xây dựng và triển khai thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để thúc đẩy khởi nghiệp và phát triển mạnh mẽ khu vực kinh tế tư nhân.

- Tiếp tục thực hiện rút ngắn thời gian giải quyết TTHC thuộc lĩnh vực đăng ký kinh doanh so với quy định. Không đặt ra các khoản thu, các điều kiện ràng buộc ngoài quy định.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tài chính.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2025.

(Một số mục tiêu cụ thể nhằm duy trì, nâng cao Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Gia Lai năm 2025 trong phụ lục kèm theo)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao chủ động xây dựng kế hoạch triển khai, đề ra các biện pháp, giải pháp, phân công trách nhiệm và nhiệm vụ với nguyên tắc “rõ việc - rõ người - rõ trách nhiệm - rõ thời gian - rõ hiệu quả” cho các phòng, ban, đơn vị và cho từng cán bộ, công chức, viên chức gắn với thường xuyên kiểm tra, đôn đốc quyết liệt để triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác CCHC hàng năm theo Kế hoạch này và chỉ đạo của UBND tỉnh. **Thời gian gửi kế hoạch góp phần khắc phục, duy trì, nâng cao Chỉ số CCHC, Chỉ số SIPAS tỉnh Gia Lai năm 2025 về Sở Nội vụ chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Kế hoạch này.**

Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về việc tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao trong kế hoạch, định kỳ hàng quý, báo cáo kết quả thực hiện (lồng ghép trong báo cáo CCHC) về UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh).

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tăng cường giám sát việc triển khai công tác CCHC tại các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương, đặc biệt đối với việc giải quyết TTHC liên quan đến người dân, doanh nghiệp để đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền kịp thời xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định; vận động các hội viên, đoàn viên tích cực và tự giác tham gia với tư cách thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân, tham gia xây dựng chính quyền.

3. Báo Gia Lai, Cổng TTĐT tỉnh (Trung tâm Tin học - Văn phòng UBND tỉnh) và các cơ quan, đơn vị có liên quan đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến Kế hoạch này, kết quả khắc phục của các cơ quan, địa phương trên chuyên trang, chuyên mục, bài, bản tin về CCHC để các cơ quan liên quan, cấp thẩm quyền theo dõi, chỉ đạo và làm cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại người

đứng đầu hàng năm theo thẩm quyền. Tăng cường công tác tuyên truyền, kịp thời phát hiện, nêu gương các điển hình tiên tiến trong công tác CCHC của tỉnh và của các cơ quan, đơn vị, địa phương, đặc biệt là các sáng kiến CCHC có hiệu quả trong thực tiễn. Đồng thời phản ánh những hạn chế, tồn tại của bộ máy, của cán bộ công chức, viên chức, người lao động của cơ quan nhà nước trong quá trình thực hiện CCHC.

4. Giao Sở Nội vụ làm đầu mối theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện kế hoạch nhằm khắc phục, cải thiện từng tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số CCHC được xác định trong Đề án xác định Chỉ số CCHC. Định kỳ hàng quý tổng hợp, lồng ghép việc thực hiện kế hoạch này vào báo cáo CCHC để báo cáo UBND tỉnh theo dõi, chỉ đạo.

UBND tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (b/c);
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Thành viên Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- VP UBND tỉnh (các Phòng KTTH, KGVX, TTTH, HCTCQT);
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn (UBND cấp huyện gửi);
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC, SNV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Rah Lan Chung

Phụ lục
MỤC TIÊU CỤ THỂ NHẪM KHẮC PHỤC, DUY TRÌ, NÂNG CAO CHỈ SỐ CCHC, CHỈ SỐ HÀI LÒNG
CỦA NGƯỜI DÂN ĐỐI VỚI SỰ PHỤC VỤ CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH GIA LAI NĂM 2025
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	2	3	4	5	6
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC				
1	TC 1.1 - Thực hiện kế hoạch CCHC	Hoàn thành 100% kế hoạch.	Sở Nội vụ	Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh/các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên trong năm/theo kế hoạch
2	TC 1.2 - Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ	Đầy đủ số lượng, nội dung và gửi đúng thời gian theo quy định.	Sở Nội vụ	Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh; các cơ quan, đơn vị, địa phương/Sở Nội vụ	Chậm nhất là ngày 20 của tháng cuối kỳ báo cáo
3	TCTP 1.3.1 - Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra trong năm	Từ 30% cơ quan, đơn vị, địa	Sở Nội vụ	Sở Tư pháp, Sở Khoa học và	Trong năm 2025/theo kế hoạch

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
		phương trở lên.		Công nghệ, Sở Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh; các cơ quan, đơn vị, địa phương/ Sở Nội vụ	
4	TCTP 1.3.2 - Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	100% vấn đề phát hiện qua kiểm tra hoàn thành việc xử lý.	Sở Nội vụ	Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng UBND tỉnh/Các cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra	Sau khi kết thúc đợt kiểm tra
5	TC 1.4 - Công tác tuyên truyền CCHC	- Tuyên truyền CCHC cả 3 hình thức sau: (1) Tổ chức các hội nghị, tập huấn chuyên đề CCHC; (2) Đăng tải thông tin CCHC trên Cổng TTĐT của tỉnh; (3) Tuyên truyền CCHC trên Đài PT-TH của tỉnh. - Ngoài các hình thức trên, tuyên truyền thêm ít nhất một trong các hình thức sau: Tổ chức cuộc thi tìm hiểu về CCHC; tọa đàm về CCHC; sân khấu hóa hoặc các hình	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên trong năm/theo kế hoạch

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
		thức tuyên truyền mới, sáng tạo khác.			
6	TC 1.5 - Đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ CCHC	Có từ 03 sáng kiến hoặc giải pháp mới trở lên (Hàng năm, mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai tối thiểu 01 sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC và báo cáo Sở Nội vụ để tổng hợp, gửi Bộ Nội vụ thẩm định).	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ/Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên trong năm
7	TC 1.6 – Đối thoại của lãnh đạo tỉnh với người dân, doanh nghiệp	- Tổ chức từ 02 cuộc đối thoại/diễn đàn trở lên (phải theo chuyên đề, không tính các cuộc tiếp công dân và tiếp xúc cử tri định kỳ); - Có ban hành văn bản chỉ đạo giải quyết những kiến nghị, đề xuất của người dân, doanh nghiệp tại các cuộc đối thoại/diễn đàn; - 100% đề xuất, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp được xử lý (có báo cáo tổng hợp).	Sở Tài chính	Văn phòng UBND tỉnh; Các cơ quan, đơn vị, địa phương/Sở Tài chính	Trong năm 2025
8	TC 1.7 – Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Thực hiện đầy đủ và đúng thời gian quy định.	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Theo nhiệm vụ được giao
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ				

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	TCTP 2.1.1 - Thực hiện các hoạt động về TDTHTHPL	- Thực hiện đầy đủ 02 hoạt động TDTHTHPL theo đúng quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, Nghị định số 32/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành, cụ thể: + Thực hiện công tác kiểm tra tình hình thi hành pháp luật. + Thực hiện hoạt động điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật. - Xây dựng kế hoạch; báo cáo kết quả TDTHTHPL định kỳ hàng năm đáp ứng yêu cầu về nội dung và thời gian theo quy định.	Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Theo kế hoạch
2	TCTP 2.1.2 - Xử lý kết quả TDTHTHPL	Ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHTHPL theo thẩm quyền và xây dựng kế hoạch; báo cáo kết quả TDTHTHPL định kỳ hàng năm đáp ứng yêu cầu về nội dung và thời gian theo quy định.	Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị	Trong năm 2025
3	TCTP 2.2 - Công bố danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực định kỳ hàng năm	Ban hành văn bản công bố danh mục VBQPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực theo quy định của Chính phủ và hướng	Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị	Chậm nhất ngày 31 tháng 01 năm 2026

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
		dẫn của Bộ Tư pháp kịp thời, đúng quy định.			
4	TCTP 2.3.1 - Thực hiện kiểm tra văn bản theo thẩm quyền	Thực hiện kiểm tra đầy đủ theo quy định.	Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị	Thường xuyên trong năm/kết thúc năm đánh giá
5	TCTP 2.3.2 - Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiến nghị	- Hoàn thành xử lý trong 30 ngày (kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền kiến nghị). - Báo cáo kết quả kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL đáp ứng yêu cầu về nội dung và thời gian theo quy định.	Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị	Hoàn thành xử lý trong 30 ngày (kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền kiến nghị)
6	TC 2.4 - Cập nhật văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật	Cập nhật đầy đủ, kịp thời văn bản thuộc trách nhiệm trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.	Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị	Thường xuyên trong năm 2025
III	CẢI CÁCH TTHC				
1	TC 3.1 - Kiểm soát quy định TTHC	- Không có TTHC ban hành trái thẩm quyền; - Có các kiến nghị cải cách TTHC, kiến nghị cụ thể sửa đổi, bổ sung văn bản QPPL quy định TTHC.	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trong năm 2025/Theo Kế hoạch
2	TCTP 3.2.1 - Công bố TTHC, danh mục TTHC theo quy định	- 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh	- Các quyết định công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh phải

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
		được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc mới ban hành trong năm được công bố kịp thời. - Công bố TTHC hoặc nhóm TTHC liên thông theo quy định của bộ, ngành Trung ương.			được ban hành chậm nhất trước 05 ngày làm việc tính đến ngày văn bản QPPL có quy định về TTHC có hiệu lực thi hành. - Trường hợp văn bản QPPL được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành thì quyết định công bố TTHC phải được ban hành chậm nhất là sau 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành văn bản QPPL có quy định về TTHC.
3	TCTP 3.2.2 - Công khai TTHC và các quy định có liên quan	- Công khai TTHC đầy đủ, kịp thời trên Cổng DVC quốc gia; - Công khai TTHC đầy đủ, kịp thời trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và các Website của cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC; - Công khai TTHC đầy đủ, kịp thời tại Bộ phận Một cửa các cấp.	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	- TTHC phải được nhập, đăng tải công khai vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công bố hoặc chậm nhất là 02 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công bố đối với các TTHC quy định trong văn bản QPPL được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
					ban hành. - Ngay sau khi có Quyết định công bố TTHC.
4	TCTP 3.2.3 - Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC	- 100% hồ sơ TTHC được đồng bộ, công khai trên Cổng DVC quốc gia; - 100% hồ sơ TTHC do cơ quan hành chính các cấp tiếp nhận, giải quyết được công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh; Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên trong năm
5	TCTP 3.2.4 - Công bố TTHC nội bộ cấp tỉnh	100% TTHC thuộc phạm vi quản lý được công bố đúng quy định.	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên trong năm
6	TCTP 3.3.1 - Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được tiếp nhận và trả kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bộ phận Một cửa.	Văn phòng UBND tỉnh	Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh; các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên trong năm
7	TCTP 3.3.3 - Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp	Từ 50 TTHC trở lên.	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên trong năm
8	TCTP 3.3.4 - Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền	Từ 30 TTHC trở lên.	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên trong năm
9	TCTP 3.4.1 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC do CQCM cấp tỉnh tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	Giải quyết đúng hạn từ 98% trở lên.	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh/ Trung tâm Phục	Thường xuyên trong năm

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
				vụ hành chính công của tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh	
10	TCTP 3.4.2 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	Giải quyết đúng hạn từ 98% trở lên.	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh/UBND cấp huyện	Thường xuyên trong năm
11	TCTP 3.4.3 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	Giải quyết đúng hạn từ 98% trở lên.	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh/UBND cấp xã	Thường xuyên trong năm
12	TCTP 3.4.4 - Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC	Thực hiện đầy đủ, đúng quy định .	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương	Khi để xảy ra trễ hẹn
13	TCTP 3.4.5 - Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của địa phương	Từ 80% - 100% cơ quan, đơn vị, địa phương đạt điểm đánh giá từ tốt trở lên.	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh, Bưu điện tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên trong năm

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
14	TCTP 3.5.1 - Xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	100% PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh được trả lời	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sau khi có phản ánh kiến nghị/theo thời gian quy định
15	TCTP 3.5.2 - Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền của tỉnh	100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sau khi có văn bản trả lời/theo thời gian quy định
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH				
1	TCTP 4.1.1 - Hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị	Thực hiện kịp thời, đúng quy định.	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Khi có quy định mới của Trung ương về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức có hiệu lực thi hành
2	TCTP 4.1.2 - Thực hiện cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính theo các tiêu chí	Thực hiện đúng cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính theo các tiêu chí.	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trong năm 2025
3	TCTP 4.1.3 - Tỷ lệ giảm số lượng đơn vị SNCL so với năm 2021	Giảm 10% so với năm 2021 hoặc 20% so với năm 2015.	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trong năm 2025
4	TCTP 4.2.1 - Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	Sử dụng không vượt quá số biên chế hành chính được giao.	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trong năm 2025
5	TCTP 4.2.2 - Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN trong các đơn vị SNCL của tỉnh	Sử dụng không vượt quá số lượng người làm việc được	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trong năm 2025

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
		giao.			
6	TCTP 4.3.1 - Thực hiện các quy định về phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành	Thực hiện đầy đủ, kịp thời các nhiệm vụ theo đúng quy định tại Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác của Chính phủ, các bộ, ngành về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực.	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trong năm 2025
7	TCTP 4.3.2 - Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp, phân quyền cho cấp dưới	Có thực hiện thanh tra, kiểm tra theo quy định.	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trong năm 2025
8	TCTP 4.3.3 - Xử lý các vấn đề về phân cấp, phân quyền phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	100% số vấn đề phát hiện qua thanh tra, kiểm tra đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý.	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trong năm 2025
V	CẢI CÁCH CÔNG VỤ				
1	TCTP 5.1.1 - Cập nhật, hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý	Thường xuyên rà soát, cập nhật và ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản để hoàn thiện các quy định về vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh đối với các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Chính phủ và các bộ, ngành hoặc trong các trường hợp chia, tách, sáp	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trong năm 2025

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
		nhập, thành lập mới tổ chức trên địa bàn tỉnh.			
2	TCTP 5.1.2 - Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	100% cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh bố trí công chức theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức tương ứng với bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí.	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trong năm 2025
3	TCTP 5.1.3 - Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	- 100% đơn vị SNCL phê duyệt theo thẩm quyền hoặc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt danh mục vị trí việc làm; - 100% đơn vị SNCL hoàn thiện việc xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm theo danh mục đã được phê duyệt; - 100% đơn vị SNCL bố trí viên chức đúng theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng với từng vị trí.	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trong năm 2025
4	TCTP 5.2.1 - Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức	100% cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đúng quy định.	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Theo kế hoạch (nếu có)
5	TCTP 5.2.2 - Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị	100% đơn vị SNCL thực hiện	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị	Theo kế hoạch (nếu có)

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
	SNCL thuộc tỉnh	đúng quy định.		vị, địa phương	
6	TCTP 5.3.1 - Thực hiện quy định về bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý	100% số lãnh đạo được bổ nhiệm đúng quy định.	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trong năm 2025
7	TC 5.4 - Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	Không có lãnh đạo bị kỷ luật.	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trong năm 2025
8	TCTP 5.5.1 - Mức độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	Thực hiện đạt 100% chỉ tiêu, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trong năm 2025
9	TC 5.6 - Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ, công chức cấp xã	- 100% cán bộ cấp xã đáp ứng các tiêu chuẩn về tuổi, trình độ lý luận chính trị, trình độ học vấn và chuyên môn nghiệp vụ theo các quy định của Đảng, Chính phủ, Bộ Nội vụ và các tiêu chuẩn do các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội quy định đối với từng chức danh cụ thể; - 100% công chức cấp xã đáp ứng các tiêu chuẩn về tuổi, trình độ học vấn và chuyên môn nghiệp vụ theo các quy định của Đảng, Chính phủ, Bộ Nội vụ và các tiêu chuẩn do các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội quy định đối với từng chức danh cụ thể.	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trong năm 2025

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG				
1	TCTP 6.1.1 - Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN	Thực hiện giải ngân 100% kế hoạch đầu tư vốn NSNN.	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trong năm 2025
2	TCTP 6.1.2 - Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN	Thực hiện đúng quy định, không để xảy ra sai phạm.	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trong năm 2025
3	TCTP 6.1.3 - Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	Thực hiện 100% các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách.	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trong năm 2025
4	TCTP 6.2.1 - Ban hành các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	Ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản về quản lý, sử dụng tài sản công, bảo đảm nội dung công khai theo quy định.	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trong năm 2025
5	TCTP 6.2.2 - Tổ chức thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công	- 100% cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng tài sản công; - Rà soát, chuẩn hóa, cập nhật số liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công đầy đủ, kịp thời; - Báo cáo về tình hình quản lý, sử dụng tài sản công đảm bảo yêu cầu về nội dung và thời gian.	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên trong năm

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
6	TCTP 6.2.3 - Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	Từ 80% trở lên cơ sở nhà, đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý theo quy định.	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trong năm 2025
7	TCTP 6.3.1 - Số đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên	Có thêm từ 01 đơn vị SNCL trở lên được giao tự chủ ở mức tự bảo đảm chi thường xuyên (không tính các trường hợp giao lại).	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trong năm 2025
8	TCTP 6.3.2 - Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	- Có thêm ít nhất 01 đơn vị tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100% chi thường xuyên so với năm 2024; - Có thêm ít nhất 01 đơn vị tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên so với năm 2024; - Có thêm ít nhất 01 đơn vị tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên so với năm 2024.	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trong năm 2025
9	TCTP 6.3.3 - Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị SNCL	Thực hiện đúng quy định, không để xảy ra sai phạm.	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trong năm 2025
10	TCTP 6.3.4 - Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp công lập	Tổng chi trực tiếp NSNN cho đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh giảm so với năm 2024.	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trong năm 2025

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
VII	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ				
1	TCTP 7.1.1 - Triển khai, duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử theo quy định	Nâng cấp Kiến trúc Chính quyền số tỉnh Gia Lai phiên bản 3.0 và tổ chức triển khai, duy trì và cập nhật Kiến trúc theo quy định.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương/ Sở Khoa học và Công nghệ	Trong năm 2025
2	TCTP 7.1.2 - Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số	Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, chỉ tiêu kỹ thuật theo quy định.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương/ Sở Khoa học và Công nghệ	Trong năm 2025
3	TCTP 7.1.3 - Tỷ lệ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)	100% các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP).	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương / Sở Khoa học và Công nghệ	Trong năm 2025
4	TCTP 7.1.4 - Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức	100% dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trong năm 2025
5	TCTP 7.2.1 - Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng tại tỉnh	100% các cơ quan, đơn vị, địa phương có tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng đạt từ 80% trở lên.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trong năm 2025

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
6	TCTP 7.2.2 - Tỷ lệ gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cấp chính quyền	100% cơ quan, đơn vị, địa phương đã kết nối gửi, nhận văn bản điện tử.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trong năm 2025
7	TCTP 7.2.3 – Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh	- Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh đáp ứng đầy đủ các chức năng, yêu cầu kỹ thuật theo quy định; - 100% chế độ báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu của tỉnh được kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương /Văn phòng UBND tỉnh	Trong năm 2025
8	TCTP 7.3.1 – Cổng thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định	Cổng thông tin điện tử của tỉnh đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương/ Sở Khoa học và Công nghệ	Trong năm 2025
9	TCTP 7.3.3 - Thiết lập, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC	Tiếp tục vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC đảm bảo đầy đủ tính năng theo quy định.	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trong năm 2025
10	TCTP 7.3.4 - Triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC	- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt tỷ lệ từ 80% trở lên; - Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt tỷ	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh, các cơ quan,	Trong năm 2025

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
		lệ từ 50% trở lên.		đơn vị, địa phương	
11	TCTP 7.3.5 - Tỷ lệ DVCTT toàn trình	100% DVCTT đủ điều kiện được xây dựng toàn trình.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trong năm 2025
12	TCTP 7.3.6 - Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	100% hồ sơ được giải quyết trực tuyến của DVC trực tuyến toàn trình (không sử dụng bản giấy).	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trong năm 2025
13	TCTP 7.3.7 - Thực hiện thanh toán trực tuyến	- 100% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến; - 100% TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến; - 100% hồ sơ đã giải quyết của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trong năm 2025
VIII	TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC VÀ CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KT-XH				
1	TCTP 8.1.1 – Mức độ hài lòng về tiếp cận dịch vụ thuộc Chỉ số SIPAS	Tăng ít nhất 02% so với năm 2024 (năm 2024 là 83,62%).	Văn phòng UBND tỉnh	Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh; các cơ quan, đơn vị,	Trong năm 2025

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
				địa phương	
2	TCTP 8.1.2 - Mức độ hài lòng về TTHC thuộc Chỉ số SIPAS	Tăng ít nhất 02% so với năm 2024 (năm 2024 là 83,27%).	Văn phòng UBND tỉnh	Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh; các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trong năm 2025
3	TCTP 8.1.3 - Mức độ hài lòng về công chức tại Bộ phận Một cửa thuộc Chỉ số SIPAS	Tăng ít nhất 02% so với năm 2024 (năm 2024 là 83,88%).	Văn phòng UBND tỉnh	Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh; các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trong năm 2025
4	TCTP 8.1.4 - Mức độ hài lòng về kết quả dịch vụ thuộc Chỉ số SIPAS	Tăng ít nhất 02% so với năm 2024 (năm 2024 là 83,74%).	Văn phòng UBND tỉnh	Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh; các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trong năm 2025
5	TCTP 8.1.5 - Mức độ hài lòng về việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị liên quan đến TTHC thuộc Chỉ số SIPAS	Tăng ít nhất 02% so với năm 2024 (năm 2024 là 83,10%).	Văn phòng UBND tỉnh	Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh; các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trong năm 2025
6	TC 8.2 - Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh	Tổng số vốn thu hút đầu tư của tỉnh trong năm 2025 tăng so với năm 2024.	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trong năm 2025
7	TCTP 8.3.1 - Số lượng doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường	Số lượng doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trong năm 2025

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
		tăng so với năm 2024.			
8	TCTP 8.3.2 - Số vốn đăng ký của doanh nghiệp	Số vốn đăng ký của doanh nghiệp (bao gồm cả số vốn đăng ký mới và đăng ký bổ sung) tăng so với năm 2024.	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trong năm 2025
9	TCTP 8.3.3 - Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp	Tăng so với năm 2024.	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trong năm 2025
10	TC 8.4 - Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh theo Kế hoạch được Chính phủ giao	- Thực hiện thu NSNN vượt chỉ tiêu từ 4% trở lên theo chỉ tiêu Chính phủ giao; - Giá trị thu ngân sách của tỉnh thuộc nhóm 10 địa phương cao nhất.	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trong năm 2025
11	TC 8.5 - Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao	Thực hiện vượt 100% chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao.	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trong năm 2025